Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8515.90.90

Mã HS	8515.90.90
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị hàn các loại dùng điện (kể cả khí ga nung nóng bằng điện), dùng chùm tia laser hoặc chùm tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, chùm electron, xung từ hoặc hồ quang, có hoặc không có khả năng cắt; máy và thiết bị dùng điện để xì nóng kim loại hoặc gốm kim loại / - Bộ phận: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 21:55:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85159090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15291
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15291
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15291
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14598
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14539
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14539
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14539
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14539
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14539
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14539
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14593
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14593
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14593
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14593

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14593
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14593
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14594
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14594
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14594
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14594
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14594
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14594
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14597
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14545
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14553
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14553
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14553
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14553
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14553
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14553
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14584
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14584
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14584
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14584
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14584
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14584
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14639
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14639
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14639
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14639

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14639
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14639
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14616
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14616
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14616
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14616
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14616
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14616
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14616
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14616
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14616
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14616
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14616
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14616
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14631
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14631
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14631
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14631
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14631
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14631
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14630
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14630
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14630
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14630
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14630
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14630

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14623
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14623
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14623
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14623
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14623
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14623
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14623
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14618
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14618
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14618
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14618
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14618
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14618
RCEP B	2022	2022	0	B!D14618
RCEP B	2023	2023	0	B!E14618
RCEP B	2024	2024	0	B!F14618
RCEP B	2025	2025	0	B!G14618
RCEP B	2026	2026	0	B!H14618
RCEP B	2027	2027	0	B!I14618
RCEP C	2022	2022	0	C!D14618
RCEP C	2023	2023	0	C!E14618
RCEP C	2024	2024	0	C!F14618
RCEP C	2025	2025	0	C!G14618
RCEP C	2026	2026	0	C!H14618
RCEP C	2027	2027	0	C!I14618
RCEP D	2022	2022	0	D!D14617

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14617
RCEP D	2024	2024	0	D!F14617
RCEP D	2025	2025	0	D!G14617
RCEP D	2026	2026	0	D!H14617
RCEP D	2027	2027	0	D!I14617
RCEP E	2022	2022	0	E!D14621
RCEP E	2023	2023	0	E!E14621
RCEP E	2024	2024	0	E!F14621
RCEP E	2025	2025	0	E!G14621
RCEP E	2026	2026	0	E!H14621
RCEP E	2027	2027	0	E!I14621
RCEP F	2022	2022	0	F!D14618
RCEP F	2023	2023	0	F!E14618
RCEP F	2024	2024	0	F!F14618
RCEP F	2025	2025	0	F!G14618
RCEP F	2026	2026	0	F!H14618
RCEP F	2027	2027	0	F!I14618
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13605
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13605
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13605
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13605

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8515.90 có 4 dòng thuế; dòng 8515.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8515.90.10 Của máy hàn hồ quang điện xoay chiều, kiểu biến thế; 8515.90.21 Của máy hàn sóng; 8515.90.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8515.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8515.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15291), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.